



Trâu Điền

MỘT THỜI GIAN KHỔ

MX Đông Triều – Nguyễn Bá Dương

Đã là lính tác chiến thì sự hy sinh gian khổ là chuyện bình thường, nhất là ở đơn vị tổng trừ bị thì sự hy sinh, gian khổ tăng gấp nhiều lần bởi vì khi bất cứ nơi nào xảy ra trận chiến ác liệt thì đơn vị được bộ Tổng Tham Mưu ưu tiên đưa vào để giải quyết chiến trường.

Đơn vị tôi là một trong những đơn vị tổng trừ bị đó với danh xưng mà Bắc quân gọi là “Lính Thủy Đánh Bộ”. Chúng tôi được bộ TTM “ưu ái” cho hành quân khắp bốn vùng chiến thuật, cứ chiến trường nào cần thì chúng tôi được điều động đến tới khi nhiệm vụ hoàn thành mới rời vùng hành quân trở về hậu cứ với ánh đèn phố thị Sài Gòn, với gia đình, cùng bạn bè chung vui với nhau vài ly rượu mạnh để quên đi những tháng ngày gian nan, hiểm nguy nơi chiến trường ở những vùng đất xa lạ. Thế nhưng “ngày vui ngắn chẳng tày gang”, người lính TQLC chưa hưởng được bao ngày yên bình nơi hậu phương, niềm vui chưa trọn vẹn thì lại nhận lệnh lên đường, lại được trực thăng vận thả vào trận địa mới để chia lửa cùng đơn vị bạn giải quyết chiến trường ...

“Tôi ở miền xa, trời quen đất lạ,

Nhiều đông lắm hạ nổi tiếp đi qua...”

Cứ như thế chúng tôi miệt mài theo năm tháng, bước chân đi hành khắp bốn vùng chiến

thuật. Nếu một lần bất chợt các bạn lắng lòng nghe ca khúc “Hành trình anh TQLC” (hay “Mười hai tháng anh đi” do nhạc sĩ Phạm Duy phổ thơ của nhà thơ sĩ quan TQLC Phạm Văn Bình) thì sẽ biết được phần nào “đời lính trận” của chúng tôi:

“Tháng giêng xuôi quân ra Huế,

Cố Đô hoang vu điêu tàn.

Bãi học chiêu em vắng bóng,

Tóc thê đã quấn khăn tang.

Tháng hai về trấn ven đô...”

Khi chiến tranh mỗi ngày một khốc liệt hơn, chúng tôi đã vượt biên sang tận xứ Chùa Tháp để đập tan Cục R, cái hậu cần vững chắc của MTGP MN, rồi sang Hạ Lào phá hệ thống tiếp vận và hậu cần của Bắc quân, ngăn chặn việc CS tiếp tế vũ khí, lương thực theo đường mòn HCM vào Nam.

Thế rồi “Mùa hè đỏ lửa” bùng lên, Bắc quân mở cùng một lúc 3 mặt trận với cấp số quân đoàn ở An Lộc, Komtum và Quảng Trị! Sư đoàn TQLC tức tốc được điều động tăng viện cho quân đoàn I, để ngăn chặn nỗ lực quân CSBV cố tiến chiếm Cố đô Huế một lần nữa. Lữ đoàn 369 TQLC đã chặn đứng Cộng quân tại bờ Nam sông Mỹ Chánh. Đó là lần đầu tiên trong quân sử đơn vị, TQLC hành quân tham

Thủy Quân Lục Chiến

chiến mặt trận Quảng Trị ở cấp sư đoàn.

Sau khi tái chiếm được thị xã Quảng Trị và Cổ Thành Đinh Công Tráng ngày 16/9/1972, rồi đến khi hiệp định ngưng bắn Paris có hiệu lực từ ngày 28/1/1973 thì thật trở trêu, TQLC không còn là đơn vị tổng trừ bị nữa mà tự nhiên biến thành Địa Phương Quân chuyên đóng đồn, đóng chốt giữ đất cho tỉnh Quảng Trị. Chưa hết, lúc ấy lại có thêm những điều kiện ràng buộc vô lý: mỗi khẩu đội Pháo binh không được bắn yểm trợ quá 5 quả đạn/ngày, vũ khí cá nhân thì sau khi bắn phải thu hồi vỏ đạn để được một đổi một, quân trang quân dụng, xăng dầu, thiết bị quân sự không có phụ tùng thay thế vì quân viện bị cắt giảm ... mọi phương diện đều thiếu thốn một cách trầm trọng. Đó là chưa kể hết rất nhiều vấn đề vô lý, kỳ quặc trói chặt tay QLVNCH. Chính vì vậy mà chuyện miền Nam sụp đổ tháng Tư 1975 phải nói là lẽ đương nhiên, còn chuyện sớm hay muộn đều đã do các “thế lực quốc tế” quyết định!

*

Sau hơn 40 năm, những người lính chiến TQLC còn sống sót sau cuộc chiến đã cố gắng tìm gặp lại nhau. Dịp hội ngộ nào anh em chúng tôi cũng chia sẻ tâm tình để nhớ về những bạn bè đồng đội đã vĩnh viễn nằm lại những chiến trường trên khắp 4 vùng chiến thuật trong suốt chiều dài của cuộc chiến. Khi ngồi bên nhau cùng ôn kỷ niệm thì lại không thể không nhắc lại những chuyện buồn vui, hiểm nguy và gian khổ của đời lính; vốn lúc nào cũng buồn và gian khổ nhiều hơn là niềm vui.

Nói về gian khổ, Trung sĩ Nhất Ngọc Ngà nhớ lại kỷ niệm thuở nằm ở tuyến Gia Đăng (với nhiệm vụ bảo vệ cho một pháo đội TQLC) vào mùa gió bắc, mỗi cơn gió cuốn theo một đám bụi cát mù trời. Chỉ cần từ sáng tới chiều thì tất cả mọi vật dụng trong lều đều phủ dày một lớp cát trắng. Đau khổ nhất là lúc ăn cơm

trưa, mặc dù đã phải giăng mùng và ngồi bên trong để ăn nhưng cũng không sao tránh được những hạt cát li ti bay lẫn vào cơm, đến nỗi để tránh nhai cơm lẫn cát, anh em phải chan thật nhiều nước canh vào chén rồi lắc cho cát lắng xuống bên dưới thì mới nuốt được cơm. Chưa hết, tại vùng bờ biển này còn nổi kinh hoàng và ám ảnh người lính là bọ chét và bù mắt! Cứ chạng vạng tối là bù mắt không biết từ đâu bay ra tấn công, không phải canh gác thì đành phải chui vào mùng mà ngồi, còn đêm đến thì không thể ngủ yên với bọn bọ chét. Vì thế mà chỉ chưa đầy nửa tháng trước khi ra khỏi vùng, hầu hết anh em đều lên “đai đỏ” dù chẳng tên nào học võ, có nghĩa là quanh lưng quần không nhiều thì ít, ai cũng bị bọ chét cắn sưng tấy đỏ!

Khổ sở nhất trong những lúc hành quân là không có nước uống và sinh hoạt. Thượng sĩ Nguyễn Đăng Thọ nguyên thường vụ ĐĐ 2/TĐ 2/TQLC kể rằng “trong trận Hạ Lào – Lam Sơn 719, những ngày cuối cùng khi TĐ 2 chuẩn bị triệt thoái thì đôi 550 bị Cộng quân vây chặt và bắn toi bời bằng đủ mọi thứ hỏa lực, kể cả phòng không và đại pháo khiến phi cơ trực thăng không thể vào vùng để yểm trợ, tải thương cũng như tiếp tế đạn dược, thực phẩm và nước cho quân đồn trú. Vào tháng 3, vùng Hạ Lào nắng nóng và khô hạn, hầu như mọi con suối đều khô cạn nước. Thế nên cho mỗi ống nước lấy từ hố bom vác lên tới đỉnh đồi người lính phải đổi bằng máu hoặc cả bằng sinh mạng vì những chốt bắn sè của Bắc quân”. Thọ nhớ lại, sau mấy ngày thiếu nước không chịu nổi, Trung sĩ Thành Tiểu đội trưởng đột ngột lao xuống lưng chừng đồi chặt một sợi dây leo định uống cho qua cơn chết khát nhưng chưa kịp mút được giọt nước nào thì đã bị VC bắn sè gãy chân làm Th/sĩ Thọ phải dẫn nguyên tiểu đội của Thành lao xuống bắn phủ đầu đối phương để kéo Thành trở lại

tuyến. Cứ ngỡ rằng tất cả anh em rồi sẽ phải chết khát trên ngọn đồi vô danh trên đất Hạ Lào, nhưng may sao trời còn thương anh em, tối hôm đó một cơn mưa thật lớn trút xuống, tất cả mọi người ùa ra dùng poncho hứng nước và chứa đầy tất cả những vật dụng gì có thể chứa nước được. Thế nhưng ngay ngày hôm sau quân CSBV đồng loạt nã pháo vào các vị trí đóng quân của ta. Nhìn những thùng đạn, ống nước bị mảnh đạn pháo xuyên thủng, nước chảy lênh láng, anh em vừa tiếc, vừa xót xa ngỡ như những giọt máu của chính mình đang tuôn chảy vì trúng mảnh pháo.

Sau khi được trực thăng bốc về Khe Sanh thì nơi đây khí hậu trái ngược với Hạ Lào: trời mưa phùn gió bắc, ướt át và lạnh bằng cái lạnh thấu xương trong khi mỗi người lính chỉ còn độc nhất một bộ quần áo đang mặc trên người. Trong khi phải chờ mấy ngày mới được tái trang bị, để chống lại cái lạnh chết người nơi vùng địa đầu giới tuyến, anh em đã phải xé bao cát khâu lại để quấn thêm vào người, phải ngồi tựa lưng nhau để chuyển và giữ hơi ấm cho nhau.

Hơn 2 ngày trú đóng tại đây chờ một số đơn vị về sau, anh em bạn bè có dịp gặp lại, thăm hỏi tin tức của nhau; tất cả đều vừa mừng vừa tủi bởi vì họ là những người may mắn đã trở về từ cõi chết, trong khi hàng trăm đồng đội đã nằm lại vĩnh viễn nơi vùng đất Hạ Lào xa lạ và thân xác có khi chẳng còn nguyên vẹn dưới những trận mưa bom rải thảm của B52 sau khi quân ta đã triệt thoái hết khỏi các cứ điểm đóng quân.

Còn nói về cái khổ của sự thiếu ăn, Thiếu Úy Lê Bá Lộc (sau là ĐDP-ĐĐ 4/TĐ 2 trong thời gian tái chiếm Quảng Trị 1972) tâm sự: Sau khi đơn vị từ Sài Gòn được không vận ra vùng địa đầu giới tuyến, Trung đội của anh được trực thăng vận lên đỉnh Động Ngôn lập tiền đồn cũng như đài quan sát cho Đại đội,

hàng tuần có trực thăng tiếp tế thực phẩm và nước uống. Được tuần đầu tiên nhờ trời nắng tốt nên việc tiếp tế diễn ra suông sẻ, còn hai tuần kế tiếp vì ảnh hưởng của bão, mưa liên tiếp và sương mù dày đặc khiến trực thăng không thể tiếp tế được, anh em phải tiết kiệm gạo sắn, mỗi người một ngày chỉ được phép ăn một bao còn thì phải cố đun thêm bầu bí, rau dại vv.. nên nhờ vậy cầm cự được đúng nửa tháng mới được tái tiếp tế.

*

Sau ngày Hiệp định Paris được ký kết thì đơn vị TQLC biến thành những người lính ĐPQ bất đắc dĩ. Lúc ấy không còn gì chán nản hơn khi là một đơn vị luôn di động khắp 4 vùng chiến thuật mà nay phải chôn chân tại chỗ để giữ chốt, giữ cầu, đêm đêm phải chong mắt canh chừng địch quân lén lút quấy phá hoặc có khi nằm cứng chịu trận ăn pháo từ trong núi rút về. Điều bực bội nhất của người lính tác chiến là “địch thấy ta còn ta không thấy địch” và thương vong thì lúc nào cũng có, không nhiều thì ít, đa phần vì những quả pháo hạng nặng bắn vào trong tuyến phòng thủ. Điều chán ngán nữa mà người lính Tổng trừ bị chúng tôi lúc bấy giờ phải chịu đựng là đơn vị bị chia nhỏ ra thành từng toán đóng chốt để giữ nhưng mỏm đồi khe suối ở những nơi có địa danh như Barbara, Động Ông Đò, Phong Điền nằm sâu trong dãy Trường Sơn. Mỗi chốt gồm từ 5 đến 10 tay súng, thời gian đóng chốt thì không hạn định nhưng tối thiểu cũng phải từ 2 đến 3 tháng, nằm chốt cheo leo, chung quanh thì núi rừng âm u, sương mù giăng mắc, thời tiết thì mưa phùn gió bắc, mưa dai dẳng – theo cách diễn tả là “mưa thúí đất” - nước mưa ngập cả hố cá nhân và giao thông hào khiến đêm đến mỗi khi có lệnh báo động, tất cả phải nhảy xuống giao thông hào ngập nước, dù quần áo ướt sũng, bê bết bùn đất, trời rét căm căm vẫn phải chong mắt ghìm súng để

Thủy Quân Lục Chiến

phòng địch bò vào. Khi chốt bẫy bị tấn công, các chốt lân cận phải ngồi thâu đêm suốt sáng chờ đợi để sẵn sàng chiến đấu.

Một cái khổ khác nữa cho người lính là những lúc di chuyển đổi quân hoặc ra bãi nhận tiếp tế. Vào mùa mưa đường đi ướt át trơn trượt, chỉ cần thiếu tập trung quan sát đường đi là có nguy cơ trượt chân ngã lăn long lóc, hoặc tuột dài xuống chân dốc như kiểu chơi cầu trượt lúc ngày xưa còn bé. Có lần chính tôi thấy 2 tân binh Lê Thượng Vàng và Trần Văn Hưng đi nhận tiếp tế lương thực về, quần áo lấm đầy bùn đất, tay chân trắng trợn rướm máu. Tôi hỏi thăm thì biết cả 2 là tân binh vừa mới ra chưa có kinh nghiệm đi núi mà lại mang vác nặng nên lúc xuống dốc đã bị trượt chân té lăn lóc dưới con dốc.

Nghe tôi hỏi thăm 2 thằng em trả lời mà rơm rớm nước mắt. Tôi nói “Tụi em tình nguyện hay có ai bắt hai thằng em vào TQLC không?” Hai đứa cùng trả lời “Dạ tụi em tình nguyện, nhưng đâu ngờ TQLC khổ tới mức như thế này. Hồi còn ở nhà nhìn thấy mấy đàn anh mặc đồ bệt rần rần dẫn đi phổ công oai hùng và đẹp quá nên tụi em tình nguyện vào TQLC để được có ngày mặc đồ bệt rần rần này về phép dạo phố Sài Gòn với người yêu cho oai vậy thôi”. Riêng Lê Thượng Vàng là Việt kiều ở Campuchia hồi hương thì tâm sự “vì gia đình có người thân bị lính Campuchia giết nên em đăng lính TQLC hy vọng có ngày trở lại để trả thù cho gia đình, nhưng nào ngờ lại phải ra tới vùng núi non hiểm trở này”. Tôi thấy lòng mình chùng xuống thương cảm cho giấc mộng trở lại Campuchia của em không bao giờ thực hiện được vì đã bị sương mù và núi rừng trùng điệp nơi đây che mất lối về!

Nói về chuyện ăn uống của người lính nơi mặt trận, Hạ sĩ Nguyễn Văn Nhi nhớ mãi sự việc mà suốt đời anh không thể nào quên được. Sau khi Trâu Điền tiến chiếm xong bờ sông

Vĩnh Định và bắt tay được với Quái Đểu, Đại đội 4/TĐ 2 được lệnh bung rộng tuyến phòng thủ. Lúc ấy vì trời đã chập choạng tối anh em xuống một hố bom múc vội ít nước cho vào bidon và bịch gạo sấy cho bữa ăn chiều. Sáng hôm sau mọi người mới tá hỏa khi thấy dưới đáy hố bom là một xác bộ đội Bắc quân! Có lẽ hẳn bị thương mất máu quá khát nên bò xuống uống nước nhưng không may té xuống chết luôn trong hố bom. Anh em ai cũng thấy nhợn, ói khan và cố nôn ra nhưng qua một đêm thì cơm nước đã tiêu hóa cả rồi!

Một hôm tôi và mấy người lính ra khúc sông đào gần Cổ thành để vừa tắm vừa ném lưu đạn mong kiếm một ít cá tươi cho bữa ăn chiều (vì quanh năm suốt tháng thức ăn chính chỉ toàn là khô cá trích, bầu bí đỏ, bí đao, bắp sù và 3 ngày đồ hộp C-ration của Mỹ cho một tuần lễ). Sau khi tôi chọn một khúc sông sâu ném lưu đạn, Thái và Dũng chờ sẵn phía dưới khúc sông để đón bắt những con cá lờ đờ trôi xuống rồi lội lên khu vực ném lưu đạn để vớt những con cá chết. Sau khi bắt được một số cá lóc, ước chừng cũng đủ ăn được vài ngày, bỗng nhiên Thái trôi lên mặt nước bơi một mạch vào bờ. Chẳng nói tiếng nào, Thái vội mặc quần áo rồi bảo “Thôi về ông thầy ơi” mà chẳng thèm lấy râu cá. Khi tôi gặng Thái mới bảo “Em thấy dưới gốc bụi tre gai dưới nước có một bộ xương người!”. Thế là thầy trò ném hết râu cá xuống lại dòng sông và về tay không, bởi vì hình ảnh đàn cá lóc, cá trê này đã từng ăn thịt cái xác bên dưới gốc bụi tre kia. Cũng từ đó tôi cách luôn, chẳng dám ăn cá lóc, cá trê ở vùng này nữa!

*

Người lính ĐPQ Quảng Trị có được cái may mắn, diễm phúc là đóng quân gần gia đình nên thỉnh thoảng một hai tuần họ được phép luân phiên về thăm cha mẹ, vợ con. Còn với những người lính TQLC và là ĐPQ bắt đắ

dĩ như chúng tôi thì không được diễm phúc đó (ngay cả các anh em Mũ Xanh dù là dân Huế và Quảng Trị cũng không có được cái phép 24 giờ về thăm nhà, dù nơi đóng quân cách nhà họ chỉ từ 50 đến 80 cây số). Tại sao? Tại vì chúng tôi đóng quân ngay tại chạm tuyến với Bắc quân, luôn luôn trong tình trạng chiến đấu, không được phép lơ là mất cảnh giác dù chỉ một giây!

Trung sĩ nhất Thới Ngạch bộc bạch “Trong 10 năm quân ngũ, tôi chưa bao giờ gặp phải trường hợp phản chiến thuật như những năm cuối cùng của cuộc chiến: một đơn vị tổng trừ bị như mình mà lại đóng chốt cố định chỉ nằm chờ địch pháo kích và tấn công!”

Giữa năm 1974, tuyến phòng thủ của Nhảy Dù trong dãy Trường Sơn, ở phía Tây Quảng Trị và Huế được lần lượt bàn giao cho TQLC để Nhảy Dù rút về phía Nam đèo Hải Vân, tăng cường phòng thủ cho Quảng Nam, Đà Nẵng.

Sau khi nhận tuyến Phong Điền (một quận cực bắc của Huế giáp ranh với Quảng Trị; phía tây bắc Phong Điền là dãy Trường Sơn với núi non hiểm trở mà đơn vị Nhảy Dù đã phải hy sinh nhiều xương máu để chiếm lại những căn cứ cũng như những ngọn đồi, những điểm cao quan trọng có thể khống chế quốc lộ và đồng bằng Thừa Thiên – Quảng Trị) vào giữa năm 1974 từ Nhảy Dù, Tiểu đoàn 8 Ó Biển chịu áp lực khá nặng của Cộng quân. Chúng cố tạo áp lực, mở những cuộc pháo kích liên tục vào các cứ điểm, tập kích bằng đặc công, bung trình sát thăm dò, gài đặt mìn bẫy trên các trục lộ của ta nhằm mục đích giữ chân TQLC và vô hiệu hóa khả năng di động của một đơn vị tổng trừ bị. Sau hai tháng TĐ 8 giằng co với Bắc quân trong tư thế phòng thủ, bị động, BTL/SĐTQLC quyết định đưa TĐ 2 Trâu Điền vào thay tuyến cho TĐ 8 với lệnh “bằng mọi cách phải giải quyết chiến trường”.

Sau khi nhận tuyến Phong Điền, TĐ 2 một mặt củng cố công sự chiến đấu, mặt khác tổ chức lục soát thường xuyên quanh vị trí phòng tuyến để tiêu diệt những toán trinh sát, đặc công ... cùng điều chỉnh pháo binh bắn phủ đầu các chốt chạm tuyến của CSBV khi chúng đánh phá và pháo kích vào các chốt phòng ngự của đơn vị. Ngay tuần lễ đầu tiên vào vùng, TĐ 2 đã dè bẹp và dập tắt mọi âm mưu quấy phá của Bắc quân và nhờ vậy tuyến Phong Điền từ đó im hẳn tiếng súng và chúng tôi đã phải trấn giữ tuyến đầu này suốt 6 tháng ròng rã. Đó là 6 tháng thật cơ cực, mưa gió triền miên trong rừng núi âm u, với cái lạnh thấu xương, 6 tháng không thấy bóng đèn phố thị, không bóng dáng người dân, mỗi chốt từ 5 đến 6 quân nhân cả ngày thì nhìn nhau chán ngán rồi hàng đêm chong mắt canh chừng địch quân. Cuộc sống kéo dài như vậy nhưng những người TQLC cũng phải đành cam chịu cho cuộc đời lính trận của mình.

Đến cuối tháng 1/1975 TĐ 2 mới được lệnh bàn giao tuyến cho TĐ 1 để xuống làng TQLC nghỉ dưỡng quân. Tất cả mọi quân nhân trong TĐ 2 ai nấy đều hân hoan vui mừng vì sẽ có dịp đi phép về thăm gia đình, về thăm phố thị để quên đi những tháng ngày gian khổ; Đơn vị ưu tiên cho những anh em có gia đình tại Huế và Quảng Trị. Thế nhưng cũng chỉ với tờ giấy phép 24 giờ mà thôi, chưa được bao nhiêu ngày nghỉ ngơi thì giữa tháng 3/75 TĐ 2 nhận lệnh vào Thường Đức thay cho Nhảy Dù, để rồi cuối tháng 3 theo Lữ Đoàn 369 tan tác tại bãi biển Mỹ Khê – Non Nước.

Chuyện phép thường niên theo lý thuyết là quyền lợi của người lính, nhưng mấy ai được hưởng cái quyền c đó? Hạ sĩ Bình tâm sự: “Từ ngày theo đơn vị ra hành quân tháng 5/1972 em chẳng có được một lần về phép thăm mẹ già và mãi theo đơn vị cho đến ngày tan hàng”. Còn Hạ sĩ Nhi và B 1 Chánh thì từ ngày ra đơn

Thủy Quân Lục Chiến

vị đến khi đánh chiếm Cửa Việt được “đi phép trên băng ca về BV Nguyễn Tri Phương và Lê Hữu Sanh rồi trở thành thương binh loại 2 vĩnh viễn” nhưng vẫn còn may mắn hơn nhiều anh em khác như Hạ sĩ Trãi, Binh I Vân, Hải, Khánh, Sơ n... Ngay cả các sĩ quan trung đội trưởng như Chiến, Sơn K 5/73 ra đến xứ Huế nhưng chưa một lần biết “Huế mộng mơ” thế nào mà phải “đi phép dài hạn”, trở về gia đình bằng “hòm gỗ cài hoa” thật tội nghiệp! Còn với Phi Long – Nguyễn Hoàng Phi bạn tôi, từ ngày về trình diện BTL tại số 15 Lê Thánh Tôn rồi ra vùng hành quân, cho đến khi triệt thoái khỏi Thường Đức, xuống được bãi biển Mỹ Khê, thuê được một chiếc ghe nhỏ ra khơi và lên được tàu để xuôi Nam đúng 15 tháng ròng chưa hề biết phép tắc thường niên là gì cả, mà hẳn chỉ mới được cái phép 24 giờ để thăm cho biết “xứ Huế mộng mơ” khi đơn vị về dưỡng quân tại làng TQLC. Chính vì thế khi về được đến Sài Gòn, Phi đã tự cho mình 10 ngày phép thường niên để vui chơi với bạn bè người yêu cho thỏa thích, bù lại những ngày gian khổ nơi địa đầu giới tuyến cũng như chuyến vượt thoát khỏi ‘cái rọ Đà Nẵng’ ngày 29/3/1975. Hơn nữa Phi thậm nghĩ “Còn gì nữa mà chỉ huy, dẫn nhau xuống núi đến được căn cứ Non Nước hơn 30 thầy trò, khi có lệnh lên tàu và đến khi lên được tàu thì chưa đầy chục đứa, xuống quân cảng Cam Ranh, sau đó thật gian nan vất vả nhiều ngày mới lên được một chiếc ghe tại một xóm chài tại Phan Rang rồi vào tới Vũng Tàu vón vện chỉ còn mỗi hai thầy trò”. Vì thế hẳn chán nản buông xuôi!

Thế nhưng dù sao thì Phi Long vẫn còn may mắn hơn Tân Uyên – Nguyễn Văn Tài, người chưa hề biết được “Huế mộng mơ” là gì chứ đừng nói đến phép thường niên. Ngày 29/3 /1975 không lên tàu được, Tài vượt thoát bằng đường bộ ra khỏi “cái rọ Đà Nẵng”, nhưng sau đó đã sập ngay cái bẫy VC tại Quảng Ngãi

giăng sẵn, vì thế hầu hết các sĩ quan đều bị bắt tại đó khiến Tân Uyên cũng như những anh em khác bị chuyển lên mật khu và được “nghỉ ngơi an dưỡng” đúng 18 tháng! Sau ngày được phóng thích trở về gia đình, Tài đã ròm lại càng ròm hơn đến độ “má nhìn không ra thằng con mình”.

Trớ trêu hơn là chuyện đi phép cưới vợ của NT Hiếu Thiện – Hồ Ngọc Hiếu (K4/71 TĐ). Nhận được thư của gia đình thông báo ngày cưới vợ, Hiếu Thiện làm đơn xin phép về Sài Gòn cưới vợ, đơn gửi trước ngày cưới gần một tháng, nhưng trước ngày cưới 2 ngày thì tờ giấy phép mới đến tay Hiếu! Những tháng cuối năm là mùa cưới, Sài Gòn luôn nắng đẹp, nhưng Huế, Quảng Trị thì mưa dầm gió bắc, mây mù luôn giăng mắc, khó thấy ánh mặt trời, thế là xe hậu trạm cứ sáng chở anh em đi phép ra phi trường Phú Bài, chiều lại chở về hậu trạm. Suốt 3 ngày liền như vậy, đến ngày thứ 3 hai bên gia đình đành vẫn tổ chức đám cưới và rước dâu nhưng bên cạnh cô dâu không có chú rể mà thế vào đó là cô em gái của Hiếu đi để “cho có đôi, cho bớt lẻ loi” và mãi ngày thứ 4 anh mới về tới Sài Gòn khi chuyện đã xong xuôi! Thật tội nghiệp cho đôi tân hôn trong thời chinh chiến!

*

Đã về đơn vị Tổng trừ bị - vốn chỉ nhận những quân nhân tình nguyện, từ lính cho đến sĩ quan- vì chẳng ai bắt buộc về TQLC nên khi đã tình nguyện sẵn sàng lao vào tử địa thì chuyện gian khổ là chuyện bình thường đối với những chiến binh Mũ Xanh, những người lính từng cười cợt cả sự chết với câu nói đầu môi “sống hùng, sống mạnh nhưng chẳng sống dai”!

MX Đông Triều – Nguyễn Bá Dương